

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-PT

Ngày 22-4-2022

V/v: Tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Thẩm phán: Bà Đặng Hồ Điệp
Ông Lê Anh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 44/2021/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc: Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 162/2021/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXPT-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 04/TB-TA ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết A; nơi cư trú: Thôn 2, xã GM, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B; nơi cư trú: Thôn 2, xã GM, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị Thu D; nơi cư trú: Thôn 2, xã GM, huyện TN, thành phố Hải Phòng; anh C vắng mặt, chị D có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Vũ Văn C: Chị Nguyễn Thị Thu D – Là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Viết A là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:* Ông Nguyễn Viết A và Bà Nguyễn Thị B đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 197/2013/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nhưng về tài sản chung hai bên tự thoả thuận.

Sau khi ly hôn, Bà B nuôi một người con bị tật nguyền, quản lý và sử dụng tài sản chung của hai bên gồm có quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ: Thôn 2, xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 919730 ngày 17 tháng 5 năm 2011 đứng tên ông Nguyễn Viết A cùng vợ là Nguyễn Thị Sinh diện tích 650m², (diện tích đất theo hiện trạng là 579,8m²); trên đất có 01 nhà xây cấp 4; 01 lán tôn sau nhà; 01 gian nhà bếp; công trình phụ; bể nước; tường bao; 01 lán tôn do vợ chồng con gái ông bà là chị Nguyễn Thị Thu D, anh Vũ Văn C mượn đất dựng làm xưởng. Ông Nguyễn Viết A ra nơi khác sinh sống và đến năm 2020 ông mới về lại nhà đất này ở.

Nay, do không thỏa thuận được việc phân chia tài sản nên ông nguyên đơn là ông Nguyễn Viết A khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, ông đề nghị được nhận đất. Về tài sản trên đất và các tài sản khác ông và Bà Nguyễn Thị B tự thỏa thuận, người nào được chia phần đất nào thì sẽ sở hữu luôn tài sản có trên đất.

Bị đơn là Bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà sẽ chỉ đồng ý chia cho ông A 10m đất mặt đường còn bà nhận 14,9m đất mặt đường theo như trước đó hai bên thỏa thuận ngày 09/7/2021. Còn các tài sản trên đất và tài sản khác bà và nguyên đơn tự thỏa thuận với nhau, người nào được chia phần đất nào thì sẽ sở hữu luôn tài sản có trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị Thu D trình bày: Chị Nguyễn Thị Thu D là con gái của là ông Nguyễn Viết A và Bà Nguyễn Thị B. Vợ chồng anh chị mượn một phần đất trên diện tích

thửa đất của bố mẹ chị để dựng lán tôn, sử dụng làm xưởng. Trường hợp ông A và Bà B phân chia tài sản sau khi ly hôn thì anh chị đồng ý tự nguyện tháo dỡ phần lán tôn đó khi Tòa án phân chia cho ai quản lý, sử dụng để trả lại đất, không yêu cầu thanh toán giá trị tài sản trên đất.

** Tại bản án HNGĐ sơ thẩm số 162/2021/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã quyết định:*

Chia tài sản sau khi ly hôn của ông Nguyễn Viết A và Bà Nguyễn Thị B:

1. Giao cho ông Nguyễn Viết A được quyền sử dụng diện tích 238,3m² đất và sở hữu tài sản có trên đất (mộc 8-3-4-7) thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ thôn 2, xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 919730 ngày 17 tháng 5 năm 2011 (có sơ đồ kèm theo).

2. Giao cho Bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng tổng diện tích 341,5m² đất và sở hữu tài sản có trên đất (mộc 1-2-3-8 có diện tích 212,4m² đất và mộc 7-4-5-6 có diện tích 129,1m² đất) đều thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ thôn 2, xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 919730 ngày 17 tháng 5 năm 2011 (có sơ đồ kèm theo).

3. Anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị Thu D phải tháo dỡ phần tài sản là tường xây lửng, tôn mạ màu diện tích 68,1m² có trên thửa đất số 165, tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ thôn 2, xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 919730 ngày 17 tháng 5 năm 2011 khi có yêu cầu của Bà Nguyễn Thị B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

* Ngày 09/9/2021, ông Nguyễn Viết A kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 162/2021/HNGĐ-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia tài sản chung sau khi ly hôn cho mỗi người 01 phần bằng nhau.

- Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 18 tháng 3 năm 2022, ông Nguyễn Viết A, Bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Thu D (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Văn C) thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ngày 24 tháng 3 năm 2022, Bà Nguyễn Thị B

thay đổi quan điểm, không đồng ý thỏa thuận với ông A và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Ông A đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia đôi khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 165, tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ thôn 2, xã GM, huyện TN, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 919730 ngày 17 tháng 5 năm 2011 đứng tên ông A và Bà B. Ông đề nghị được nhận 11,5 m, chia cho Bà B 13,4 m chiều ngang mặt đường và để Bà B tự lựa chọn vị trí thửa đất, có thể nhận phần diện tích có nhà hoặc có lán xường của vợ chồng anh C, chị D tạo dựng.

- Bà B đề nghị khi phân chia tài sản, cần xem xét đến công sức quản lý, nộp thuế hàng năm do sau khi ly hôn, bà là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất nên chia cho bà được hưởng phần nhiều hơn.

- Chị Nguyễn Thị Thu D trình bày, chị và anh Vũ Văn C giữ nguyên quan điểm, không có ý kiến gì khác.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng các quy định trong quá trình tiến hành tố tụng; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kháng cáo của ông Nguyễn Viết A đối với Bản án số 162/2021/HNGĐ-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền kháng cáo, đơn và thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Viết A về việc phân chia tài sản chung sau khi ly hôn. Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 162/2021/HNGĐ-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, chia cho ông A được hưởng 272m² đất và Bà B được hưởng 307,8m² đất theo vị trí hai bên đã thỏa thuận là có căn cứ, phù hợp với pháp luật và đã xem xét bảo vệ quyền, lợi ích của Bà B trong quá trình quản lý, sử dụng và nuôi dưỡng con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ông Nguyễn Việt Tiền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp pháp, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung:

[2] Ông Nguyễn Việt A và Bà Nguyễn Thị B đều thống nhất tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ: Thôn 2, xã GM, huyện TN, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 919730 ngày 17 tháng 5 năm 2011 đứng tên ông Nguyễn Việt A, Bà Nguyễn Thị B. Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình thì khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nêu trên được chia đôi cho mỗi bên nhưng có tính đến các yếu tố khác. Xét thấy sau khi ly hôn, ông A không ở trên nhà đất, không quản lý nhà đất. Bà B có công sức quản lý, nộp thuế sử dụng đất, duy tu tài sản lại phải nuôi dưỡng một người con bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, không có khả năng lao động và không tự chăm sóc bản thân. Vì vậy, cần thiết chia cho Bà B được hưởng phần tài sản chung nhiều hơn so với ông A là có căn cứ.

[3] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cho ông A được quyền sử dụng 10m chiều ngang mặt đường có vị trí ở đoạn giữa thửa đất và cắt vào một phần ngôi nhà là nơi ở duy nhất hiện tại của gia đình Bà B; giao cho Bà B được quyền sử dụng hai phần diện tích đất ở hai bên của thửa đất, trong đó có 9,45m mặt đường, trên đất có một phần diện tích ngôi nhà và lán tôn, một phần đất có chiều ngang mặt đường 5,45m trên đất có lán xưởng do vợ chồng con gái xây dựng là chưa đảm bảo về tính năng, công năng sử dụng đất cũng như tài sản trên đất của mỗi bên trong khi Bà B là phụ nữ, lại nuôi dưỡng một người con không có khả năng lao động. Nếu chia đất mà phải cắt bỏ một phần ngôi nhà sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu ngôi nhà và không thể tiếp tục sử dụng được. Do vậy, cấp phúc thẩm cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung nêu trên để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự là có căn cứ.

[4] Như đã nhận định ở trên, cần tính thêm công sức quản lý tài sản và chăm sóc con chung cho Bà B nên chia cho Bà B được hưởng nhiều hơn ông A là hợp lý và có căn cứ. Tại phiên tòa, ông A đề nghị chia theo kích thước chiều ngang mặt đường để ông A được sử dụng là 11,5m, Bà B được sử dụng là 13,4m; Bà B có quyền lựa chọn vị trí thửa đất. Bà B đề nghị được nhận vị trí thửa đất có căn nhà cấp 4 trên đất để mẹ con bà tiếp tục quản lý, sử dụng nhà. Quan điểm của các bên đương sự là phù hợp, cần chấp nhận.

Như vậy, chia cho Bà B được quyền sử dụng diện tích 307,8m² đất theo mốc giới 1-2-6-5-1 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo), trên đất có căn nhà, lán tôn phía sau, một phần tường vây, một phần bếp, công trình phụ, cống; chia cho ông A được quyền sử dụng diện tích 272m² đất theo mốc giới 3-4-5-6-3 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo), trên đất có lán tôn do vợ chồng anh Vũ xây dựng, bể nước và một phần tường xây lửng, công trình phụ, cống. Như vậy, Bà B được hưởng nhiều hơn ông A là 35,8m² đất, trên phần đất Bà B được chia có căn nhà, các tài sản khác trên đất có giá trị lớn hơn các tài sản trên đất chia cho ông A nhưng không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông A là đã tính đến công sức quản lý tài sản theo yêu cầu của Bà B, đồng thời đảm bảo nguyên tắc phân chia tài sản sau khi ly hôn có xem xét đến quyền lợi của người phụ nữ và con mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động để tự nuôi mình theo quy định Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

Các đương sự đều thống nhất không xem xét giá trị tài sản trên đất, diện tích đất được phân chia cho bên nào thì bên đó được quyền sở hữu tài sản trên đất, cần ghi nhận.

[5] Anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị Thu D có trách nhiệm tháo dỡ phần tài sản là tường xây lửng, lợp tôn mạ màu có diện tích 68,1m² nằm trên diện tích đất chia cho ông Nguyễn Viết A để bàn giao đất cho ông A quản lý sử dụng và không bên nào phải thanh toán cho bên nào.

[6] Ông Nguyễn Viết A và Bà Nguyễn Thị B có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, điều chỉnh, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

[7] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Viết A về việc phân chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ: Thôn 2, xã GM, huyện TN, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 919730 ngày 17 tháng 5 năm 20120 đứng tên ông Nguyễn Viết A, Bà Nguyễn Thị B. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần sửa

bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 162/2021/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo hướng như trên.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[9] Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Viết A và Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Viết A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: **Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Viết A.** Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 162/2021/HNGĐ-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng:

1. Chia tài sản chung của ông Nguyễn Viết A và Bà Nguyễn Thị B là quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ: Thôn 2, xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 919730 ngày 17 tháng 5 năm 2011 đứng tên ông Nguyễn Viết A và Bà Nguyễn Thị B, cụ thể như sau:

1.1. Chia cho ông Nguyễn Viết A được quyền sử dụng diện tích 272m² đất và được quyền sở hữu tài sản trên đất theo các mốc giới 3-4-5-6-3;

1.2. Chia cho Bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng diện tích 307,8m² đất và được quyền sở hữu tài sản có trên đất theo các mốc giới 1-2-6-5-1;

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

1.3. Các tài sản trên đất được chia cho bên nào, bên đó có quyền sở hữu, quản lý, sử dụng và không phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản cho nhau.

1.4. Anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị Thu D có trách nhiệm tháo dỡ phần tài sản là tường xây lửng, lợp tôn mạ màu có diện tích 68,1m² nằm trên diện tích đất chia cho ông Nguyễn Viết A như đã nêu tại điểm 1.1 để bàn giao đất cho ông A quản lý sử dụng và không bên nào phải thanh toán cho bên nào.

1.5. Ông Nguyễn Viết A và Bà Nguyễn Thị B có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, điều chỉnh, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Về án phí:

- Miễn nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông Nguyễn Viết A và Bà Nguyễn Thị B;
- Ông Nguyễn Viết A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hải Phòng;
- TAND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân Thúy

